TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2023/QĐST-DS	***Bình Tân**, ngày 31 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 110/2023/TLST- DS ngày 08 tháng 6 năm 2023

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1/ Ông Trương Văn N, sinh năm 1967

2/Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị T thống nhất trả cho bà Lê Thị Kim L số tiền 390.000.000đ và 10 chỉ vàng 24K. (Cụ thể: từ ngày 31/8/2023 đến ngày 31/8/2024 trả 100.000.000đ, từ ngày 01/9/2024 đến ngày 31/8/2025 trả 100.000.000đ, từ ngày 01/9/2025 đến ngày 31/8/2026 trả 100.000.000đ, từ ngày 01/9/2026 đến ngày 31/8/2027 trả 90.000.000đ. Từ ngày 01/9/2027 đến 31/8/2028 trả 10 chỉ vàng 24K).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. (Trong trường hợp bị đơn không trả không đúng theo thỏa thuận như đã

nêu trên.)

Án phí: nguyên đơn bà Lê Thị Kim L và bị đơn ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị T thỏa thuận. Bà Lê Thị Kim L và bị đơn ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị T mỗi người chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị Kim L chịu 5.450.000đ án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị Kim L là người cao tuổi nên được miễn nộp, ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị T chịu 5.450.000đ án phí dân sự sơ thẩm tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ánh Dương

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).